TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 4 - 2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Khôi và bà Trần Thị Yến Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Trung Ngọc Quốc Thiên H**, sinh năm 2001; nơi cư trú: Tổ X, Ấp Y, xã L Đ, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước;

- Bị đơn: Anh **Vũ Hoài T**, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ Z, ấp P L K, xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn chị Bùi Trung Ngọc Quốc Thiên H trình bày:

Chị và anh Vũ Hoài T tìm hiểu và yêu thương nhau và chị đã mang thai con của anh T. Đến ngày 09/3/2020, chị và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã P S huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian sống chung, anh T không chịu khó làm ăn, thường ham chơi game, không có trách nhiệm với gia đình, khi cha mẹ chị góp ý thì không sửa đổi bản thân mà có thái độ tự ái. Từ tháng 6/2020, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống y thân, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Hoài T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Vũ Hoàng Phúc H1, sinh ngày 10/05/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung bất kỳ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai và Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xét xử vắng mặt ghi ngày 13/3/2024, bị đơn anh Vũ Hoài T trình bày:

Anh và chị Bùi Trung Ngọc Quốc Thiên H tự nguyện kết hôn đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2020. Trong thời gian sống chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra cãi vã với nhau. Từ năm 2022, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Bùi Trung Ngọc Quốc Thiên H.

Về con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Vũ Hoàng Phúc H1, sinh ngày 10/05/2020. Nay ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung bất kỳ ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 51, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Bùi Trung Ngọc Quốc Thiên H được ly hôn với anh Vũ Hoài T; về con chung: Giao cháu Vũ Hoàng Phúc H1, sinh ngày 10/05/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Anh Vũ Hoài T cư trú tại ấp P L X, xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T và được trực tiếp nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Chị H khởi kiện đối với anh T. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị H là nguyên đơn, anh T là bị đơn trong vụ án.

[1.4] Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Các đương sự tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09, ngày 09 tháng 3 năm 2020. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, khi chị H yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Sau khi kết hôn, các đương sự có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau, sống không hạnh phúc và đã sống ly thân hơn một năm nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H. Tuy nhiên, do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự có 01 (một) con chung là Vũ Hoàng Phúc H1, sinh ngày 10/05/2020. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H1 do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân cháu H1 còn nhỏ (đủ gần 48 tháng tuổi) nên cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ và anh T cũng đồng ý giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng nên giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, đúng pháp luật. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Trung Ngọc Quốc Thiên H.

1.1. Về hôn nhân: Chị Bùi Trung Ngọc Quốc Thiên H được ly hôn với anh Vũ Hoài T.

1.2. Về con và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự có 01 (một) con chung là: Vũ Hoàng Phúc H1, sinh ngày 10/05/2020. Giao cháu H1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Các đương sự có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Bùi Trung Ngọc Quốc Thiên H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001308 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (Để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Đăng ký kết hôn số 09 ngày 09/3/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam